

Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN CỪ

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ III/2019

(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày .../.../... của.....)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: : Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ(khác)
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	130.054.000	130.054.000			
1,2	Thu khác					
a	Nước uống					
b	Tin học	9.720.000	9.720.000			
c	Tiền Anh NNN	13.636.000	13.636.000			
d	Tiền ăn + Chất đốt	67.320.000	67.320.000			
e	Tiền CSBT	34.068.000	34.068.000			
h	Vệ sinh trường lớp	5.310.000	5.310.000			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	126.015.454	126.015.454			
1,1	Chi khác					
a	Nước uống					
b	Tin học	6.998.400	6.998.400			
c	Tiền Anh NNN	12.708.752	12.708.752			
e	Tiền ăn + Chất đốt	67.320.000	67.320.000			
f	Tiền CSBT	33.708.302	33.708.302			
h	Tiền vệ sinh	5.280.000	5.280.000			
C	Số thu nộp NSNN					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	1.053.449.627	1.053.449.627			
1	Tiền lương (Mục 6000)	282.936.100	282.936.100			
2	Tiền công (6050)	60.404.175	60.404.175			
3	Phụ cấp (6100)	191.117.235	191.117.235			
4	Phúc lợi tập thể (6200	12.510.000	12.510.000			
5	Phúc lợi tập thể (6250)	2.665.000	2.665.000			
6	Các khoản đóng góp(6300)	85.794.912	85.794.912			
7	các thanh toán cá nhân(6400)					

8	Thanh toán DVCC(6500)	4.778.644	4.778.644			
9	Vật tư văn phòng (6550)	21.245.000	21.245.000			
10	Thông tin tuyên truyền (6600)	4.896.961	4.896.961			
11	Hội nghị (6650)					
12	Công tác phí (6700)	7.890.000	7.890.000			
13	Chi phí thuê mướn (6750)	19.805.600	19.805.600			
14	Chi sửa chữa (6900)	305.860.000	305.860.000			
15	Chi mua sắm TS (6950)					
16	Chi phí NVCM (7000)	48.354.000	48.354.000			
17	Mua sắm TSVH (7050)					
18	Chi khác (7750)	5.192.000	5.192.000			
1	Chi quản lý hành chính					
2	Nghiên cứu khoa học					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề					
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
11	Chi Chương trình mục tiêu					

Mạo Khê, ngày 30 Tháng 9 Năm 2019

Lập biểu



Vũ Thị Cúc

Hiệu trưởng



Ngô Thị Ninh